Lập trình cơ bản trong R

1. Các phép toán và các hàm cơ bản trong R

1.1. Các phép toán trong R

```
+, -, *, /
```

1.2. Các phép toán logic:

```
!: NOT
&: AND
|: OR
<, >, <=, >=, ==, != (khác)
&&, ||
xor(x,y); isTRUE(x)
```

1.3 Các hàm toán học thường dùng trong R:

```
\begin{split} \log(x) : \log \operatorname{arti} & \operatorname{co} \operatorname{s\acute{o}} e \\ \log 10(x), \log(x, n) : \log \operatorname{arti} & \operatorname{co} \operatorname{s\acute{o}} n \\ \exp(x) : e^x \\ \operatorname{sqrt}(x) : \operatorname{c\~{a}} n \operatorname{b\^{a}} c \ 2 \operatorname{c\~{u}} a \ x \\ \operatorname{factorial}(x) : x! \\ \operatorname{choose}(n, k) : \operatorname{t\'{o}} h \operatorname{op} n \operatorname{ch\^{a}} p \ k \\ \operatorname{floor}(x) : \operatorname{g\'{a}} \operatorname{tr\'{i}} \operatorname{nguy\^{e}} < x \ (\operatorname{s\`{a}} n \operatorname{c\~{u}} a \ x) \\ \operatorname{ceiling}(x) : \operatorname{g\'{a}} \operatorname{tr\'{i}} \operatorname{nguy\^{e}} n > x \ (\operatorname{tr\`{a}} n \operatorname{c\~{u}} a \ x) \\ \operatorname{trunc}(x) : \operatorname{l\`{a}} \operatorname{m} \operatorname{tron} \operatorname{t\'{o}} i \operatorname{g\'{a}} \operatorname{tr\'{i}} \operatorname{nguy\^{e}} n \operatorname{g\`{a}} n \operatorname{n\'{a}} t \operatorname{g\'{u}} a \ x \ v\'{a} \ 0. \\ \operatorname{round}(x, \operatorname{digits}=n) : \operatorname{l\`{a}} \operatorname{m} \operatorname{tr\'{o}} n \ x \ \operatorname{d\'{e}} n \ \operatorname{c\~{h}} \operatorname{c\~{u}} s \operatorname{d\'{e}} n \operatorname{c\~{h}} \operatorname{c\~{u}} s \operatorname{d\'{e}} n \\ \operatorname{s\'{o}} \operatorname{s\'{i}} \operatorname{ngits}=n) : \operatorname{h\'{e}} \operatorname{n\'{e}} \operatorname{n\'{e}} \operatorname{n\'{e}} \operatorname{d\'{e}} \operatorname{n\'{e}} \operatorname{n\'{e}}
```

2. Lệnh điều kiện: if

```
if (bieu_thuc_dk) bieu_thuc_1 else bieu_thuc_2
```

3. Vòng lặp: for, while và repeat

```
> for ( bien_chay in bieu_thu_dk) bieu_thuc_lenh
```

```
> repeat bieu_thuc_lenh
> while bieu_thuc_dk bieu_thuc_lenh
Ngắt vòng lặp: break, next.
```

4. Script và hàm:

4.1. Script:

- Tập hợp các đoạn lệnh
- Tạo script: vào File -> New script
- Goi lai script: > source('ten script.r')

4.2. Hàm:

```
Cú pháp:
```

```
> ten ham <- function(tham so1, tham so2, ...) {cac bieu thuc lenh}
```

Ví du: viết hàm tính sai số chuẩn,

```
stderr <- function(x) {
    se <- sd(x)/length(x);
    se
}</pre>
```

5. Bài tập:

1/ Tạo một vec-tơ X chứa n phần tử (n: tự cho). Viết hàm tính tổng tích lũy đến vị trí thứ i của X.

2/ Thể tích hình cầu với bán kính r là: $V = 4\pi r^3/3$. Hãy viết hàm xây dựng 1 dataframe để tính thể tích hình cầu với bán kính tương ứng là 3,4,5,...,20. Cột radius lưu bán kính và cột volume lưu thể tích.

3/ Trong file data01.xls, dùng lệnh if và vòng lặp for để tạo biến Index theo yêu cầu sau: Nếu Age <=60 thì Index = 0; 60 < Age <=70 thì Index = 1; 70 < Age <=80 thì Index = 2 và Age >80 thì Index = 3.

4/ File data11.xls chứa số liệu về chiều cao của 1 loại cây trồng theo bảng tần số dạng khoảng. Thực hiện các bước sau:

- a. Đọc số liệu từ data11.xls và gán vào 1 dataframe.
- b. Viết một hàm tính tham số là các biến trong dataframe vừa nhập, xuất ra các giá trị sau: chiều cao bé nhất, lớn nhất của cây, trung bình mẫu, phương sai mẫu hiệu chỉnh.
- 5/ Cho vec-to X chứa n giá trị quan sát, phân vị thứ p được xác định như sau

- Sắp xếp dữ liệu theo thứ tự tăng dần (từ nhỏ đến lớn).
- Tính chỉ số i:

$$i = \left(\frac{p}{100}\right)n$$

- Nếu i không phải là số nguyên, làm tròn i. Phân vị thứ p chính là giá trị nằm ở vị trí thứ i đã được làm tròn.
 - Nếu i nguyên, phân vị thứ i chính là giá trị trung bình của 2 giá trị nằm ở vị trí thứ i và thứ i + 1.

Hãy viết hàm **phanvi(X, P)** cho kết quả là phân vị thứ p từ vec-tơ X.